

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2023

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KHOÁ CỬ THI LẠI - KỲ THI THÁNG 04/2023

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
1	18001439	Huỳnh Quốc	Anh	05/01/2003	18T4-ANM1	7.3	5.3	7.5	
2	19005149	Hoàng Quốc	Anh	09/10/2003	19T4-LTM1	3.8	2.3	5.0	
3	17003522	Nguyễn Trần Gia	Bảo	08/10/2002	17T4-ĐTC1	6.5	9.3	7.8	
4	19001927	Phạm Thiên	Bảo	02/10/2004	19T4-NNA3			7.0	
5	19001590	Võ Đỗ Gia	Bảo	03/08/2002	19T4-NNA3	5.0	6.3	8.0	
6	19000618	Mạch Nguyễn Quốc	Bảo	10/08/2003	19T4-TKĐ1	6.5	5.0	5.5	
7	19001319	Nguyễn Đức	Chương	13/10/2004	19T4-KTD2		3.3		
8	19001560	Trần Minh	Đạt	02/07/2004	19T4-CKC2	7.0	7.0	8.3	
9	19004385	Lê Huỳnh	Đức	30/04/2004	19T4-CKC2		8.5		
10	19004562	Nguyễn Hùng	Dũng	01/06/2003	19T4-ĐCN2	7.0			
11	19001750	Trần Quang	Dũng	27/10/2004	19T4-NNA3		7.0		
12	17001482	Lương Minh	Duy	23/06/2002	17T4-LĐL1	3.3	9.5	7.3	
13	17000344	Bùi Thanh	Duy	01/6/2000	17T4-THU1	2.8			
14	19002072	Nguyễn Hoàng Bảo	Duy	20/08/2004	19T4-LĐL1		7.3		
15	19000327	Huỳnh Nguyễn Minh	Duy	14/07/2001	19T4-TKĐ1		5.0		
16	19004315	Nguyễn Khánh	Duy	05/09/2003	19T4-VSL2			6.5	
17	19000905	Sú Huệ	Duyên	13/02/2004	19T4-CNM1		9.0		
18	19001499	Nguyễn Trần Hiếu	Giang	23/03/2004	19T4-NNA2	5.0	8.0	7.3	
19	19002315	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giang	12/10/2004	19T4-NNA3	5.5	9.8	8.0	
20	18003547	Vũ Văn	Hải	21/10/2003	18T4-CNÔ2			7.3	
21	17003574	Trương Phú Minh	Hiếu	10/12/2001	17T4-QTD1	0.0			

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
22	19000770	Hồ Minh	Hung	21/04/2003	19T4-ĐCN1		5.0	5.0	
23	19000918	Phạm Sang Quốc	Hung	29/12/2000	19T4-KTD1		V		
24	17000822	Hoàng Đình	Khang	04/11/2002	17T4-TKW1		6.8		
25	17000912	Huỳnh Trọng	Khoa	23/03/2001	17T4-CNÔ3		5.0		
26	18001256	Nguyễn Đăng	Khoa	27/05/1999	18T4-VSL2	0.5	0.5	V	
27	19001427	Thi Nguyễn Thiên	Kim	21/03/2004	19T4-NNA1	7.3	9.5	9.0	
28	19000743	Nguyễn Thị Trúc	Lan	28/01/2004	19T4-NNA1		9.5		
29	18000984	Phan Lê Nhất	Lập	13/10/2003	18T4-CNÔ4	4.0	6.0	6.5	
30	19000669	Đàm Mỹ	Linh	02/06/2004	19T4-KTD1	5.0	8.3	8.0	
31	19000158	Trương Gia	Linh	15/07/2004	19T4-TKĐ1	7.0			
32	18000824	Trần Võ Tấn	Lộc	31/07/2003	18T4-CMT1	7.0	1.3		
33	18001354	Nguyễn Vạn	Lợi	27/04/2003	18T4-CNM1	5.5	7.0		
34	19000482	Trần Thị Trúc	Mai	18/12/2004	19T4-NNA1	7.5	9.3		
35	17004183	Trần Ngọc	Mẫn	02/04/2002	17T4-CNÔ1	6.8			
36	18000993	Huỳnh Quốc	Minh	09/04/2003	18T4-CNÔ4	2.8	7.0		
37	18000400	Võ Hoàng Nhật	Minh	27/06/2003	18T4-THU1		6.5		
38	19001430	Nguyễn Gia	Minh	11/02/2004	19T4-TCD1	5.0	5.0	7.5	
39	16003614	Trần Huy	Nam	02/09/2000	16TCN-Ô1			3.3	
40	19001577	Vũ Minh	Nam	07/12/2004	19T4-KML1	6.3	7.8		
41	19000149	Phạm Quỳnh	Nga	05/05/2003	19T4-KTD1	5.0			
42	18000864	Trần Nguyễn Kim	Ngân	22/11/2003	18T4-TKW1	9.5	7.8	8.0	
43	19000520	Trần Thị Thanh	Ngân	22/11/2004	19T4-NNA1			V	
44	19001373	Nguyễn Phan Hoàng	Nguyên	05/03/2004	19T4-TKĐ1	6.5	4.3	3.8	
45	19000479	Nguyễn Hữu Thanh	Nhã	06/01/2004	19T4-NNA1			7.3	
46	17000867	Đào Trọng	Nhân	09/09/2002	17T4-THU1		V		
47	19001732	Phạm Trường	Nhân	10/08/2004	19T4-CCK1	3.0	7.8	7.8	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
48	19000393	Bùi Trọng	Nhân	03/10/2004	19T4-ĐCN1	5.8	5.5	8.5	
49	19000544	Nguyễn Thành	Nhân	10/10/2004	19T4-QTM1			7.0	
50	20005693	Nguyễn Văn Phúc	Nhân	02/10/2001	20T2-ĐCN1	V	V	V	
51	19000069	Phùng Minh	Nhật	22/09/2004	19T4-KML1		5.0		
52	18001378	Lê Thị Yến	Nhi	23/07/2003	18T4-QTD1	5.3	3.5	5.0	
53	19003694	Phạm Quỳnh	Như	20/09/2004	19T4-KTD2	5.5	6.0	5.8	
54	19000689	Trương Thị Quỳnh	Như	19/08/2004	19T4-NNA1		8.0		
55	19000331	Trương Tường	Phát	30/01/2004	19T4-ĐĐT2		4.0		
56	19001864	Đào Thịnh	Phát	19/10/2003	19T4-TKĐ1	3.5			
57	19000194	Nguyễn Lê Thiên	Phúc	21/08/2003	19T4-CNÔ1		4.0		
58	18000543	Dương Minh	Quân	18/06/2003	18T4-CNÔ2		V		
59	19001575	Trang Hỷ	Quân	24/12/2004	19T4-CĐT1	5.5	5.0	5.0	
60	19002066	Nguyễn Minh	Quang	09/04/2004	19T4-LĐL1		3.3		
61	19005284	Nguyễn Chí	Quang	26/01/2003	19T4-NNA3	5.0	5.0		
62	17004481	Trương Bá	Siêu	28/06/2000	17T4-CNÔ2	6.5	9.5	7.3	
63	19000867	Đỗ Duy	Tân	14/09/2003	19T4-CNÔ4	2.3			
64	18001736	Nguyễn Quốc	Thái	21/07/2003	18T4-CNÔ3	5.8	5.8	3.5	
65	19001401	Võ Thành	Thái	14/08/2003	19T4-KML1	2.5		1.3	
66	19000293	Trần Phan Quốc	Thắng	04/05/2004	19T4-ĐĐT2	6.3	5.8	6.0	
67	19001679	Hoàng Xuân	Thành	02/11/2004	19T4-ĐCN2	0.3	6.0	2.0	
68	19001203	Võ Minh	Thi	09/09/2004	19T4-CNÔ5	7.3			
69	19001649	Trần Gia	Thiên	25/07/2003	19T4-NNA3		9.8		
70	21004392	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/08/2001	21T2-ĐCN1		7.0	8.5	
71	16000601	Phan Đăng	Thịnh	18/01/2001	16TCN-LĐL1	7.5	9.3	6.5	
72	19003573	Lê Viết	Thông	12/10/2004	19T4-NNA3	V	V	V	
73	19000247	Nguyễn Minh	Thông	08/07/2002	19T4-TKĐ1		3.3	2.3	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
74	17002432	Lê Anh	Thư	20/12/2002	17T4-QTD1	0.5		3.8	
75	18000191	Nguyễn Hoàng Kim	Thư	09/08/2003	18T4-NNA1	5.3	3.5	3.8	
76	19000680	Hoàng Thu	Thủy	23/11/2004	19T4-KTD1	6.8	6.3	5.3	
77	19001350	Huỳnh Văn	Tiên	03/11/2004	19T4-CCK1	5.0	5.8	1.5	
78	19000913	Huỳnh Thái	Toàn	12/12/2004	19T4-CNÔ5	5.0			
79	19001223	Lê Huy	Toàn	25/07/2004	19T4-CNÔ5		5.0		
80	19002157	Châu Lê	Trọng	06/11/2004	19T4-ĐCN2	3.0	5.0	2.0	
81	19000610	Phạm Hà Phương	Trúc	20/02/2004	19T4-TKĐ1	1.8	5.8	3.3	
82	18000594	Lại Hoàng Minh	Trung	01/08/2003	18T4-NNA1		8.0		
83	17001952	Bùi Đức Anh	Tuấn	24/10/2002	17T4-LĐL1		8.8	6.3	
84	18000105	Trần Quang	Vinh	20/11/2000	18T4-LTM1	1.5			
85	19000793	Từ Chí	Vỹ	16/06/2004	19T4-NNA1		9.8	7.5	

Tổng cộng danh sách có 85 sinh viên

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

TS. Đinh Văn Đệ